

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 355/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 03 – 9 – 2020
V/v “Tranh chấp hôn nhân và gia
đình, ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ, TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hồng;
2. Ông Phan Phước Tân.

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Chúc Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Triết - Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 243/2020/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2020 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 371A/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 400/2020/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Thái Mỹ L, sinh năm 1998; địa chỉ: Tổ 05, ấp V, xã V1, huyện AP tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn L1, sinh năm 1992; địa chỉ: Tổ 03, ấp P, xã P1, huyện AP, tỉnh An Giang.

Người làm chứng: Ông Lâm Văn H, sinh năm 1949; địa chỉ: Tổ 17, ấp P, xã P1, huyện AP, tỉnh An Giang.

Bà Thái Mỹ L vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, ông Nguyễn Văn L1 vắng mặt không rõ lý do, ông Lâm Văn H có yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 23/6/2020 của bà Thái Mỹ L; các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Thái Mỹ L và ông Nguyễn Văn L1 tự tìm hiểu và tiến đến hôn nhân vào năm 2018, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã P1, huyện An Phú (theo bản sao Trích lục kết hôn số 2150/TLKH-BS ngày 28/11/2018 của Ủy ban nhân dân xã P1, huyện AP).

Sau khi kết hôn thì bà Thái Mỹ L và ông Nguyễn Văn L1 lên Bình Dương sinh sống và làm công nhân. Cả 02 sống với nhau khoảng 02 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông L1 nghe lời mẹ ruột yêu cầu bà Mỹ L bỏ thai vì sợ kỵ tuổi với ông L1, bà Mỹ L không đồng ý nên gia đình ông L1 hay kiếm chuyện. Thời gian bà Mỹ L mang thai ốm nghén, không đi làm được thì gia đình ông L1 hay chửi mắng bà Mỹ L. Do không chung sống được nên bà Mỹ L bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống cho đến nay. Đầu năm 2019, bà Mỹ L có khởi kiện yêu cầu được ly hôn ông L1 tại Tòa án nhân dân huyện An Phú. Trong quá trình giải quyết, Tòa án có động viên hòa giải để cả hai được đoàn tụ. Thời điểm đó do gần sinh con nên bà Mỹ L đồng ý rút lại yêu cầu khởi kiện để ông L1 có cơ hội sửa đổi. Tuy nhiên, sau khi bà Mỹ L sinh con thì ông L1 và gia đình chưa từng hỏi thăm hay đến thăm cháu cho đến ngày hôm nay.

Do cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên bà Mỹ L yêu cầu được ly hôn với ông L1.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà Thái Mỹ L và ông Nguyễn Văn L1 sinh được 01 (một) con chung tên: Thái Thanh N, sinh ngày 28/3/2019. Hiện con chung đang sinh sống cùng bà Mỹ L.

Bà Mỹ L yêu cầu được nuôi dạy con chung, không yêu cầu ông L1 cấp dưỡng để nuôi dạy con chung.

Về tài sản chung: Có 05 chỉ vàng 24 Kara hiện đang do ông Nguyễn Văn L1 cất giữ. Bà Mỹ L không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Tại biên bản ghi nhận sự vắng mặt của đương sự và đơn rút yêu cầu khởi kiện cùng ngày 15/7/2020, bà Mỹ L rút lại yêu cầu chia tài sản chung.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành triệu tập ông Nguyễn Văn L1 để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 15/7/2020 và ngày 03/8/2020 nhưng ông L1 vắng mặt không rõ lý do. Do đó, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông L1, ông L1 cũng không cung cấp bản tự khai cho Tòa án.

Ngày 03/8/2020, bà Thái Mỹ L có đơn yêu cầu được vắng mặt khi vụ án được đưa ra xét xử do nhà xa, bận chăm con nhỏ.

- Về tài liệu, chứng cứ:

Tài liệu, chứng cứ do bà Thái Mỹ L giao nộp: Bản sao Trích lục kết hôn số 2150/TLKH-BS ngày 28/11/2018 của Ủy ban nhân dân xã P1, huyện An Phú; bản sao Trích lục khai sinh mang tên Thái Thanh N, sinh ngày 28/3/2019; bản sao Sổ hộ khẩu gia đình mang tên Thái Văn T; bản sao Giấy chứng minh nhân dân mang tên Thái Mỹ L; bản chính Đơn rút yêu cầu khởi kiện ngày 15/7/2020; bản chính Đơn yêu cầu ngày 03/8/2020.

Tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập: Biên bản lấy lời khai người làm chứng ông Lâm Văn H ngày 15/7/2020 kèm bản photo Giấy chứng minh nhân dân mang tên Lâm Văn H; Bản sao Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình số 403/2018/QĐST-HNGĐ ngày 24/12/2018 của Tòa án nhân dân huyện An Phú; bản chính Giấy xác minh tại Công an xã P1, huyện AP ngày 07/8/2020.

Tại phiên tòa, do bà Mỹ L và ông L1 cùng vắng mặt nên Hội đồng xét xử công bố lời trình bày của bà Mỹ L, biên bản lấy lời khai người làm chứng ông Lâm Văn H, biên bản xác minh tại Công an xã P1, huyện AP ngày 07/8/2020 và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

- Theo biên bản lấy lời khai người làm chứng ngày 15/7/2020, ông Lâm Văn H cho biết: Ông H là bác ruột của bà Mỹ L. Ông H khác họ với bà Mỹ L là do ông H đổi họ từ họ Thái sang họ Lâm. Ông H thường xuyên qua nhà bà Mỹ L bàn chuyện làm ăn với anh em trong gia đình nên biết rõ mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân của bà Mỹ L.

Về nguyên nhân và điều kiện đi đến hôn nhân giữa bà Mỹ L và ông L1 thì như lời bà L trình bày. Sau khi kết hôn thì bà Mỹ L và ông L1 lên Bình Dương làm công nhân. Sau đó khoảng vài tháng thì bà Mỹ L trở về nhà cha mẹ ruột sinh sống. Gia đình tìm hiểu thì được biết khi bà Mỹ L mang thai khoảng một tháng thì mẹ chồng yêu cầu bà L bỏ thai do sợ kỳ tuổi, bà Mỹ L không đồng ý nên gia đình chồng hay kiếm chuyện. Do không chung sống được nên bà Mỹ L trở về nhà cha mẹ ruột sinh sống cho đến nay. Trong khoảng thời gian sống ly thân cho đến khi bà Mỹ L sinh con, ông L và gia đình cũng không đến thăm hỏi bà Mỹ L cũng như nhìn mặt cháu Thái Thanh N.

Do sống ly thân đã lâu, bản thân ông L1 cũng không muốn hàn gắn tình cảm, chưa từng đến nhìn mặt con chung nên ông H mong muốn Tòa án sớm giải quyết cho bà Mỹ L được ly hôn ông L1.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà Mỹ L và ông L1 sinh được 01 (một) con chung tên: Thái Thanh N, sinh ngày 28/3/2019. Hiện con chung đang sinh sống cùng bà Mỹ L.

Về tài sản chung, nợ chung: Không rõ.

Do bận công việc làm ăn nên ông Hoa yêu cầu được vắng mặt khi Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

- Theo biên bản xác minh ngày 07/8/2020, đại diện Công an xã P1, huyện An Phú cho biết: Ông Nguyễn Văn L1, sinh năm 1992 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ: Tổ 03, ấp P, xã P1, huyện AP, tỉnh An Giang. Ông L1 không thường xuyên sinh sống tại địa phương do đi làm ăn xa, nhưng vẫn trở về trong những dịp lễ Tết.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi. Ông Nguyễn Văn L1 vắng mặt lần thứ hai không lý do; bà Thái Mỹ L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; người làm chứng ông Lâm Văn H đã có lời khai trực tiếp với Tòa án và có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp quy định tại Điều 228, Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Theo trình bày của bà Mỹ L và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có căn cứ xác định hôn nhân giữa bà Mỹ L và ông L1 đã đến mức trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn và yêu cầu được nuôi dạy con chung, không yêu cầu ông L1 cấp dưỡng nuôi con chung của bà Mỹ L; đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung do bà Mỹ L đã tự nguyện rút lại yêu cầu. Về nợ chung, đương sự khai không có nên không xem xét, giải quyết.

Các bên đương sự xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho tòa án; không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng bị đơn ông Nguyễn Văn L1 đều vắng mặt không lý do; đồng thời, ông L1 đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không lý do. Như vậy, ông L1 đã tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng của mình. Nguyên đơn bà Thái Mỹ L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; người làm chứng ông Lâm Văn H có yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là phù hợp với quy định tại các điều 228, 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền giải quyết:

Hôn nhân giữa bà Thái Mỹ L và ông Nguyễn Văn L1 có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã P1, huyện AP cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 106 ngày 04/6/2018. Ông Nguyễn Văn L1 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Tổ 03, ấp P, xã P1, huyện AP, tỉnh An Giang nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang theo quy định tại các điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và quy định tại Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Thái Mỹ L cho rằng, trong thời gian bà Mỹ L và ông L1 chung sống đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông L1 nghe lời mẹ ruột buộc bà Mỹ L bỏ thai vì sợ kỳ tuổi với ông L1, bà Mỹ L không đồng ý nên gia đình ông L1 hay kiếm chuyện. Thời gian bà Mỹ L mang thai ốm nghén, không đi làm được thì gia đình ông L1 hay chửi mắng bà Mỹ L. Do không chung sống được nên bà Mỹ L bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống cho đến nay. Đầu năm 2019, bà Mỹ L có khởi kiện yêu cầu được ly hôn ông L1 tại Tòa án nhân dân huyện An Phú. Trong quá trình giải quyết, Tòa án có động viên hòa giải để cả hai được đoàn tụ. Thời điểm đó do gần sinh con nên bà Mỹ L đồng ý rút lại yêu cầu khởi kiện để ông L1 có cơ hội sửa đổi. Tuy nhiên, sau khi bà Mỹ L sinh con thì ông L1 và gia đình chưa từng hỏi thăm hay đến thăm cháu cho đến ngày hôm nay. Những mâu thuẫn mà bà Mỹ L trình bày được ông Lâm Văn H xác nhận trong biên bản lấy lời khai người làm chứng ngày 15/7/2020.

Nam nữ khi tiến đến hôn nhân đều hướng đến mục đích là xây dựng gia đình hạnh phúc, bền vững nhưng giữa bà Mỹ L và ông L1 lại tồn tại những mâu thuẫn không thể hàn gắn dẫn đến đời sống hôn nhân không hạnh phúc. Việc bà Mỹ L và ông L1 đã sống ly thân nhau từ năm 2018 cho đến nay, quá trình sống ly thân ông L1 không thể hiện thiện chí hàn gắn tình cảm, không đến thăm con chung mặc dù trước đó Tòa án nhân dân huyện An Phú đã hòa giải, hàn gắn cho cả hai đã cho thấy sự vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Từ những phân tích nêu trên, có thể nhận thấy mâu thuẫn giữa bà Mỹ L và ông L1 đã đến mức trầm trọng, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Thái Mỹ L theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] Về con chung: Quá trình chung sống, bà Mỹ L và ông L1 sinh được 01 (một) con chung tên: Thái Thanh N, sinh ngày 28/3/2019. Hiện con chung đang sinh sống cùng bà Mỹ L.

Sau khi xem xét điều kiện nuôi con của bà L và sự đảm bảo quyền lợi về mọi mặt

cho con chung, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quyết định để bà Thái Mỹ L được trực tiếp nuôi dạy con chung tên: Thái Thanh N, sinh ngày 28/3/2019.

Bà Mỹ L không yêu cầu ông L1 cấp dưỡng nuôi con chung. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã giải thích cho bà Mỹ L về quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung đối với người không trực tiếp nuôi con chung, cũng như nghĩa vụ cấp dưỡng của người không trực tiếp nuôi con chung, nhưng bà Mỹ L vẫn giữ nguyên ý kiến của mình. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định công nhận sự tự nguyện của bà Mỹ L trong việc không yêu cầu ông L1 cấp dưỡng để nuôi dạy con chung.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Ông Nguyễn Văn L1 cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) phải tôn trọng quyền được nuôi con của bà Thái Mỹ L. Ngược lại, bà Thái Mỹ L cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) không được cản trở ông Nguyễn Văn L1 trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[3.3] Về tài sản chung: Bà Mỹ L khai, tài sản chung có 05 chỉ vàng 24 Kara hiện do ông L1 cất giữ.

Tại biên bản ghi nhận sự vắng mặt của đương sự và đơn rút yêu cầu khởi kiện cùng ngày 15/7/2020, bà Mỹ L rút lại yêu cầu chia tài sản chung. Xét thấy, bà Thái Mỹ L tự nguyện rút lại yêu cầu chia tài sản chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản chung của bà Mỹ L theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3.4] Về nợ chung: Bà Thái Mỹ L xác định không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác:

Bà Thái Mỹ L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; ông Nguyễn Văn L1 không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Thái Mỹ L phần tạm ứng án phí đối với yêu cầu chia tài sản chung.

Các đương sự không phải chịu các chi phí tố tụng khác.

[5] Về quyền kháng cáo: Bà Thái Mỹ L và ông Nguyễn Văn L1 có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các điều 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218, khoản 2 Điều 244, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 18, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Thái Mỹ L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Thái Mỹ L được ly hôn với ông Nguyễn Văn L1.

2. Về con chung: Bà Thái Mỹ L được trực tiếp nuôi dạy con chung tên: Thái Thanh N, sinh ngày 28/3/2019. Ông Nguyễn Văn L1 không phải cấp dưỡng để nuôi dạy con chung.

Ông Nguyễn Văn L1 cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) phải tôn trọng quyền được nuôi con của bà Thái Mỹ L. Ngược lại, bà Thái Mỹ L cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) không được cản trở ông Nguyễn Văn L1 trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Thái Mỹ L đối với yêu cầu chia tài sản chung.

4. Về án phí sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác: Bà Thái Mỹ L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, số tiền này được khấu trừ vào số tiền 600.000 (sáu trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí mà bà Mỹ L đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2019/0001159 ngày 23/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú, tỉnh An Giang. Bà Mỹ L được nhận lại 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Ông Nguyễn Văn L1 không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Các đương sự không phải chịu các chi phí tố tụng khác.

5. Về quyền kháng cáo: Án tuyên công khai vắng mặt bà Thái Mỹ L và ông Nguyễn Văn L1. Bà Mỹ L và ông L1 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Giấy chứng nhận kết hôn số 106 ngày 04/6/2018 do Ủy ban nhân dân xã P1, huyện AP, tỉnh An Giang cấp cho bà Thái Mỹ L và ông Nguyễn Văn L1 (theo bản sao Trích lục kết hôn số 2150/TLKH-BS ngày 28/11/2018 của Ủy ban nhân dân xã P1, huyện AP) không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

(Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND tỉnh An Giang (1)
- VKSND huyện An Phú (1);
- THADS huyện An Phú (1);
- UBND xã P1 (01);
- Các đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phạm Tuấn